

Số: 29/QĐ-THPTNK

Hải Phòng, ngày 25 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa trong trường học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

*Căn cứ Luật số 43/2019/QH14 của Quốc hội Ban hành Luật giáo dục;
Căn cứ Luật số 123/2025/QH15 của Quốc hội Ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục;*

Căn cứ Luật số 73/2025/QH15 của Quốc hội Ban hành Luật nhà giáo;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông nhiều cấp học ;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT, ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định Quy tắc ứng xử trong nhà trường mầm non, nhà trường phổ thông, nhà trường thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT, ngày 30 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định Quy tắc ứng xử của nhà giáo;

Căn cứ công văn số 1364/VP-VX, ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc triển khai thực hiện Thông tư quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo;

Căn cứ công văn số 950/SGDDĐT-VP, ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo theo Thông tư số 03/2026/TT-BGDĐT;

Căn cứ tình hình thực tiễn và đặc điểm tình hình của trường THPT Nguyễn Khuyến;

Xét đề nghị của Tổ phó tổ chuyên môn số 2 và Văn phòng trường THPT Nguyễn Khuyến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường của trường THPT Nguyễn Khuyến;

Điều 2. Quy tắc ứng xử là căn cứ để cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh trường THPT Nguyễn Khuyến thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định hiện hành

của Nhà nước. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế các quy định trước đây;

Điều 3. Các bộ phận có liên quan, các tổ chức, cá nhân trong trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hải Phòng;
- BGH, BTĐTN;
- TTCM, TPCM;
- Đăng Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Huy Hùng

QUY TẮC

Ứng xử trong trường học của trường THPT Nguyễn Khuyến
(Ban hành kèm theo Quyết định số 29/QĐ-THPTNK, ngày 25 tháng 02 năm 2026
của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy định quy tắc ứng xử trong trường học áp dụng đối với giáo viên, nhân viên và học sinh của trường THPT Nguyễn Khuyến.
- Quy định này áp dụng đối với giáo viên đang làm nhiệm vụ giảng dạy, nhân viên đang làm nhiệm vụ hỗ trợ giảng dạy và học sinh đang học tại nhà trường.

Điều 2. Mục đích xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học

- Bảo đảm chuẩn mực về nhận thức, thái độ và hành vi của giáo viên, nhân viên, học sinh trong mối quan hệ với đồng nghiệp, cán bộ quản lý và học sinh, cha mẹ học sinh hoặc người giám hộ của học sinh, cộng đồng xã hội.
- Bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, tôn trọng sự khác biệt; đổi mới, sáng tạo; phòng, chống tiêu cực và bạo lực học đường.
- Là căn cứ để cán bộ quản lý, nhà giáo, học sinh rèn luyện, giữ gìn, học tập, bồi dưỡng nâng cao phẩm chất, đạo đức và văn hóa ứng xử trong nhà trường, môi trường số, đặc biệt khi tham gia hoạt động trên các nền tảng mạng xã hội.
- Là cơ sở pháp lý thống nhất để nhà trường triển khai xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử phù hợp với điều kiện thực tiễn.

Điều 3. Nguyên tắc xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học

- Tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan; phù hợp với chuẩn mực đạo đức, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa của dân tộc; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử và tôn trọng sự đa dạng văn hóa, tôn trọng đời sống riêng tư, bí mật cá nhân.
- Bảo đảm thể hiện được vị trí, vai trò, quyền, lợi ích hợp pháp, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong hoạt động nghề nghiệp và của học sinh trong thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện.
- Bảo đảm ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, nhớ, dễ thực hiện; phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo và phương thức giáo dục; phù hợp với giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc và đặc trưng văn hóa vùng miền.

4. Việc xây dựng quy tắc ứng xử trong trường học bảo đảm tính khả thi, dân chủ, công khai và khách quan.

CHƯƠNG II

NỘI DUNG QUY TẮC ỨNG XỬ

Mục 1

ỨNG XỬ CỦA CÁN BỘ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

Điều 4. Quy tắc ứng xử chung

1. Chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của viên chức, người lao động và học sinh; chấp hành sự phân công, điều động của tổ chức, cá nhân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Tận tụy với công việc; giảng dạy, giáo dục đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục; thực hiện đầy đủ và bảo đảm chất lượng chương trình giáo dục; tích cực học tập, rèn luyện nâng cao đạo đức nhà giáo, cán bộ, nhân viên và học sinh, trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và học tập; trung thực trong học tập, nghiên cứu khoa học và thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, tham gia hoạt động giáo dục; tiếp thu có chọn lọc và vận dụng phù hợp các giá trị tiên bộ khoa học công nghệ, văn minh của nhân loại trong hoạt động giáo dục và nghề nghiệp; có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin và ứng xử trên không gian mạng.

3. Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự, nhân phẩm, nhân cách của cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, nhân viên và học sinh; mẫu mực, nêu gương; có thái độ lịch sự, thân thiện; thực hiện lối sống lành mạnh, tích cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng, bệnh thành tích; thực hiện phê bình và tự phê bình thường xuyên; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

4. Bảo vệ, giữ gìn cảnh quan nhà trường; phòng chống bạo lực học đường; đoàn kết, xây dựng, yêu thương, giúp đỡ người khác; bảo vệ uy tín, danh dự của người khác và của nhà trường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, văn minh, dân chủ, đổi mới, sáng tạo; tích cực tham gia vào hoạt động quản lý, quản trị và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

5. Ngôn ngữ trong sáng, dễ hiểu, đúng mực, trung thực, tôn trọng; trang phục gọn gàng, lịch sự, phù hợp với môi trường, hoạt động giáo dục và các quy định có liên quan.

6. Không lợi dụng chức danh, danh hiệu, hình ảnh cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và hoạt động giáo dục để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật hay tư lợi cá nhân; không tự ý bỏ việc, bỏ học; không được tuyên truyền, phổ biến những nội dung trái với quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước; không hút thuốc lá, sử dụng đồ uống có cồn khi thực hiện nhiệm vụ; không sử dụng chất

cấm và các chất kích thích khác theo quy định của pháp luật; không tham gia tệ nạn xã hội; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi vi phạm của học sinh, đồng nghiệp.

Điều 5. Ứng xử với học sinh

1. Có thái độ mẫu mực, tinh thần bao dung, trách nhiệm, yêu thương; phản hồi, nhận xét, khen hoặc phê bình phù hợp với đối tượng và hoàn cảnh; động viên, khích lệ sự phấn đấu và phát triển của học sinh.

2. Khích lệ sự phấn đấu và phát triển của học sinh. Tạo môi trường giáo dục an toàn, tích cực và bình đẳng; khuyến khích học sinh tham gia nghiên cứu, lao động sản xuất, hoạt động phục vụ cộng đồng, phát triển bền vững.

3. Tôn trọng, đánh giá đúng thực chất năng lực của học sinh; bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của học sinh; tạo động lực phát huy phẩm chất và năng lực học sinh; lắng nghe, kịp thời tư vấn, hỗ trợ học sinh về lĩnh vực học tập, xã hội bảo đảm phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi.

4. Không phân biệt đối xử giữa những học sinh dưới mọi hình thức; không xúc phạm, gây tổn thương, trù dập, định kiến, bạo hành, xâm hại người học dưới mọi hình thức và báo cáo kịp thời với lãnh đạo, cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện học sinh bị bạo lực, xâm hại; không ép buộc học sinh tham gia các hoạt động mang tính chất tự nguyện; không công khai thông tin của học sinh trái quy định; không gian lận, cố ý làm sai lệch kết quả trong các hoạt động tuyển sinh, đánh giá học sinh.

Điều 6. Ứng xử với đồng nghiệp

1. Trung thực, chân thành, đoàn kết, có tinh thần hợp tác, chia sẻ trách nhiệm, giúp đỡ lẫn nhau; tự phê bình và phê bình bảo đảm khách quan, nghiêm túc, thẳng thắn, mang tính xây dựng vì sự tiến bộ của đồng nghiệp.

2. Tôn trọng và lắng nghe ý kiến của đồng nghiệp, phối hợp, trao đổi kinh nghiệm, học hỏi trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Không xúc phạm, chia rẽ, gây mất đoàn kết nội bộ; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không công khai thông tin của đồng nghiệp trái quy định.

Điều 7. Ứng xử với cán bộ quản lý

1. Chấp hành sự phân công, chỉ đạo, điều hành của cán bộ quản lý trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Lắng nghe và cầu thị tiếp thu ý kiến đánh giá, góp ý của cán bộ quản lý trong hoạt động nghề nghiệp.

3. Tích cực tham mưu và thể hiện rõ chính kiến với cán bộ quản lý theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Không xúc phạm, gây mất đoàn kết nội bộ; không thờ ơ, né tránh hoặc che giấu các hành vi sai phạm của cán bộ quản lý.

Điều 8. Ứng xử với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh

1. Sẵn sàng hợp tác, hỗ trợ, chia sẻ với cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh về hoạt động giảng dạy, giáo dục vì sự tiến bộ của học sinh.
2. Chủ động, kịp thời cung cấp, trao đổi thông tin trung thực về học sinh; chương trình, kế hoạch giảng dạy, giáo dục khi được sự đồng ý của cấp quản lý theo thẩm quyền.
3. Khuyến khích, tạo điều kiện để cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh tham gia vào hoạt động giáo dục vì sự tiến bộ của học sinh.
4. Không xúc phạm, áp đặt, vụ lợi, ép buộc cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh tham gia các hoạt động trái quy định của Nhà nước và các hoạt động mang tính chất tự nguyện.

Điều 9. Ứng xử với cộng đồng xã hội

1. Tuân thủ, chấp hành nội quy, quy tắc nơi công cộng; tôn trọng không gian chung của cộng đồng; ứng xử văn minh, lịch thiệp, đúng mực, bảo vệ cảnh quan môi trường khi tham gia hoạt động cộng đồng xã hội.
2. Phát huy tinh thần tự nguyện, tự giác và tích cực tham gia các hoạt động xã hội; bảo vệ môi trường; thực hiện và phối hợp thực hiện hiệu quả các phong trào, hoạt động từ thiện, nhân đạo, chăm lo người nghèo, đối tượng dễ bị tổn thương, yếu thế trong xã hội theo quy định của pháp luật; tham gia, lan tỏa phong trào xây dựng xã hội học tập, phát triển văn hóa đọc, khuyến học, khuyến tài.
3. Tích cực lan tỏa các giá trị nhân văn, những việc làm tốt, hình ảnh đẹp, hành vi ứng xử văn hóa trong xã hội, trong nhà trường đến cộng đồng; chủ động tham gia truyền thông, tuyên truyền về giáo dục, chống tin giả liên quan tới lĩnh vực giáo dục và nhà giáo trên các kênh mạng xã hội chính thống; công khai, minh bạch thông tin có liên quan khi tham gia các hoạt động xã hội.
4. Không tham gia, ủng hộ các hoạt động mê tín dị đoan và các hoạt động gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Mục 2

ỨNG XỬ CỦA HỌC SINH

Điều 10. Ứng xử với bản thân

1. Tích cực rèn luyện phẩm chất đạo đức, có lối sống lành mạnh, giản dị, trung thực và khiêm tốn. Thực hiện tốt các quy định nhà trường đề ra.
2. Chấp hành tốt pháp luật; quy định về trật tự, an toàn xã hội, an toàn giao thông. Tích cực tham gia đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội và phòng chống tiêu cực trong học tập, kiểm tra, thi cử.

3. Phải có ý thức phấn đấu không ngừng vươn lên trong học tập. Biết tự học, tự nghiên cứu.

4. Không được nói dối và bao che những khuyết điểm của người khác.

Điều 11. Ứng xử với bạn bè

1. Ngôn ngữ ứng xử phải trong sáng, khiêm tốn, tế nhị, ứng xử một cách có văn hoá, có đạo đức của người học sinh.

2. Tuyệt đối không được sử dụng lời nói thô tục, xúc phạm danh dự, nhân phẩm bạn bè.

3. Không được sử dụng mạng xã hội có những biểu hiện kích động, gây mâu thuẫn, mất đoàn kết, xúc phạm lên nhân phẩm bạn bè và người khác.

Điều 12. Ứng xử với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

1. Trong giao tiếp phải: lễ phép, kính trọng, không được vô lễ xúc phạm đến nhân phẩm, danh dự của cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường.

2. Ngôn ngữ phải thể hiện đúng tư cách của người học sinh, tuyệt đối không nói dối, nói tục.

Điều 13. Ứng xử với khách đến làm việc

1. Chào hỏi, xưng hô, giới thiệu với khách đến trường phải đảm bảo sự kính trọng, lễ phép, không thô lỗ, không rụt rè, không làm các động tác gây phản cảm.

2. Khi được hỏi, trả lời đảm bảo trật tự trên dưới, câu hỏi và trả lời ngắn gọn, rõ ràng, có thưa gửi, cảm ơn.

Điều 14. Ứng xử trong gia đình

1. Xưng hô, mời gọi đảm bảo sự kính trọng, lễ phép, khi đi, về, lúc ăn uống. Thương yêu, quan tâm, chăm sóc, nhường nhịn đến mọi người trong gia đình. Có ý thức giúp đỡ bố mẹ những công việc vừa sức.

2. Khi có khách đến nhà chào hỏi lễ phép, tiếp khách chân tình, cởi mở, lắng nghe.

Điều 15. Ứng xử với môi trường

Phải nâng cao ý thức trách nhiệm và vận động mọi người bảo vệ môi trường. Không xả rác thải, phóng uế bừa bãi. Giữ gìn trật tự xã hội và vệ sinh nơi công cộng.

Điều 16. Ứng xử với cộng đồng xã hội

1. Thực hiện nếp sống văn hoá, quy định nơi công cộng. Đặc biệt quan tâm, giúp đỡ cho người già, trẻ em, phụ nữ, người tàn tật.

2. Kịp thời thông báo cho cơ quan, tổ chức đơn vị có thẩm quyền các thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật

CHƯƠNG III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường

Có trách nhiệm thông tin, tuyên truyền, vận động đồng nghiệp, học sinh thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy tắc này; khi phát hiện cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh của nhà trường vi phạm Quy tắc này phải kịp thời góp ý để họ điều chỉnh, sửa đổi, đồng thời phản ánh với lãnh đạo nhà trường.

Điều 18. Trách nhiệm của học sinh

Có trách nhiệm thực hiện và vận động bạn bè thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy tắc này; khi phát hiện bạn vi phạm Quy tắc này phải kịp thời góp ý để sửa đổi, đồng thời phản ánh với thầy cô đặc biệt là thầy cô chủ nhiệm hoặc thầy cô là lãnh đạo nhà trường để kịp thời chấn chỉnh, giáo dục.

Điều 19. Trách nhiệm của Ban giám hiệu nhà trường

1. Quán triệt, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quy tắc này, làm căn cứ để đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên, nhân viên, các em học sinh.
2. Công khai Quy tắc này trên Website của trường
3. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy tắc này của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh. Phê bình, chấn chỉnh, xử lý các vi phạm đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên và các em học sinh của nhà trường.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Quy tắc này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 02 năm 2026 thay thế cho các quyết định Ban hành trước đó.
2. Quy tắc này có hiệu lực cho đến khi có Quyết định mới được ban hành quy định thay thế./.